

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	14 - 34
8. Phụ lục	35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Công ty cổ phần Âu Lạc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302704796, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 9 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 289.221.600.000 VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 253.779.820.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84 - 8) 38 200441- 38 200443

Fax : (84 - 8) 38 200440

Website : www.aulac.com.vn

Mã số thuế : 0302704796

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, chi tiết: kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa;
- Hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: dịch vụ hàng hải – kinh doanh vận tải biển (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật), dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, môi giới thuê tàu biển, hoạt động của đại lý là thủ tục hải quan, hoạt động liên quan khác như lấy mẫu và cân hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Bán buôn đồ dùng gia đình, chi tiết: mua bán các mặt hàng trang trí nội thất, công nghệ phẩm, kim khí điện máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết mua bán nông lâm sản, lương thực;
- Bán mô tô, xe máy: chi tiết mua bán xe gắn máy và phụ tùng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được đưa vào đâu, chi tiết: mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: đại lý ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: mua bán thực phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác, chi tiết: mua bán máy móc phục vụ các ngành công – nông – lâm – ngư nghiệp;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác, chi tiết: mua bán xe ô tô và phụ tùng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: mua bán vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: mua bán xăng dầu (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, chi tiết: vận tải nhiên liệu ven biển và viễn dương.



Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 35).

Trong năm, theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2013 Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

- Thường đạt kế hoạch cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	1.740.000.000 VND
- Chia cổ tức bổ sung năm 2012 (900 VND/cổ phiếu)	22.808.683.800 VND

Và phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển	2.693.283.644 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	1.615.970.187 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.770.597.102 VND
- Chi thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.620.000.000 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Mạnh Thảo	Chủ tịch	30 tháng 6 năm 2010
Ông Trần Lê Khánh	Phó Chủ tịch	30 tháng 6 năm 2010
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên	30 tháng 6 năm 2010
Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên	30 tháng 6 năm 2010
Ông Nguyễn Việt Hải	Thành viên	30 tháng 6 năm 2010

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Đức Trường	Trưởng ban	22 tháng 4 năm 2011
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên	22 tháng 4 năm 2011
Ông Phan Vĩnh Kha	Thành viên	22 tháng 4 năm 2011
Bà Bùi Thị Thu Thảo	Thành viên	22 tháng 4 năm 2011

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mai Văn Tùng	Tổng Giám đốc	08 tháng 4 năm 2011
Ông Lê Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc hàng hải	09 tháng 6 năm 2012
Ông Hồ Văn Thiện	Phó Tổng Giám đốc tài chính	08 tháng 2 năm 2013

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

00449
CÔNG
H NHIỆM
TOÁN V
A &
H-T.P

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Âu Lạc tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2014





Số: 0068/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Âu Lạc, được lập ngày 10 tháng 02 năm 2014, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Âu Lạc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Kha - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Bùi Thị Ngọc Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1491-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		192.455.145.896	122.793.450.810
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	98.463.784.926	42.225.452.748
1. Tiền	111		20.066.038.526	16.125.452.748
2. Các khoản tương đương tiền	112		78.397.746.400	26.100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.400.000.000	1.642.471.200
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	6.400.000.000	1.642.471.200
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		36.654.328.064	37.370.514.567
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	32.899.985.959	36.067.005.763
2. Trả trước cho người bán	132		428.649.433	276.477.334
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.4	7.114.705.163	4.092.364.805
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.5	(3.789.012.491)	(3.065.333.335)
IV. Hàng tồn kho	140		41.975.296.200	39.194.023.010
1. Hàng tồn kho	141	V.6	43.470.796.200	39.194.023.010
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(1.495.500.000)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.961.736.706	2.360.989.285
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.873.234.560	2.230.882.285
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.798.502.146	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		290.000.000	130.107.000

030044
CÔNG TY CỔ PHẦN
ÂU LẠC
TÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
TOÀN
A &
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		767.168.480.998	787.060.605.856
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		695.903.461.027	765.097.586.342
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	695.903.461.027	765.097.586.342
<i>Nguyên giá</i>	222		1.082.034.563.652	1.080.367.548.761
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(386.131.102.625)	(315.269.962.419)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		83.435.669	83.435.669
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(83.435.669)	(83.435.669)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		36.656.179.955	7.724.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	30.780.000.000	500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	10.874.000.000	10.874.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.12	(4.997.820.045)	(3.650.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		34.608.840.016	14.239.019.514
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	30.008.840.016	9.641.019.514
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	4.600.000.000	4.598.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		959.623.626.894	909.854.056.666

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		357.658.730.629	328.246.952.388
I. Nợ ngắn hạn	310		121.132.188.652	95.760.416.361
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	76.335.982.042	49.279.874.473
2. Phải trả người bán	312	V.16	25.588.938.497	33.963.784.457
3. Người mua trả tiền trước	313		66.000.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	4.973.957.052	5.783.760.455
5. Phải trả người lao động	315	V.18	3.431.873.377	140.000.000
6. Chi phí phải trả	316		171.090.909	638.847.091
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	7.397.702.856	2.911.603.068
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	3.166.643.919	3.042.546.817
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		236.526.541.977	232.486.536.027
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	236.526.541.977	232.486.536.027
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		601.964.896.265	581.607.104.278
I. Vốn chủ sở hữu	410		601.964.896.265	581.607.104.278
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	253.779.820.000	253.779.820.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	254.725.820.000	254.725.820.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.22	(3.568.600.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	18.108.306.035	15.415.022.391
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	24.556.942.044	22.940.971.857
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	54.362.608.186	34.745.470.030
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		959.623.626.894	909.854.056.666



CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		422.274,29	450.649,63		
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2014

Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	552.810.420.484	533.107.483.918
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	552.810.420.484	533.107.483.918
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	427.390.982.647	422.647.116.379
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		125.419.437.837	110.460.367.539
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.353.653.881	1.958.400.790
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	25.251.713.722	10.850.225.028
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.251.962.828	9.443.850.407
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	10.563.141.725	8.924.279.155
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	27.471.950.098	18.216.310.146
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.486.286.173	74.427.954.000
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.356.423.642	29.485.269.351
12. Chi phí khác	32	VI.8	760.410.538	20.598.541.969
13. Lợi nhuận khác	40		2.596.013.104	8.886.727.382
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		72.082.299.277	83.314.681.382
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	18.216.626.388	15.459.610.620
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	3.030.657.878
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>53.865.672.889</u>	<u>64.824.412.884</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>-</u>	<u>-</u>



Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2014

Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)****Năm 2013**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		72.082.299.277	83.314.681.382
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9	71.776.270.882	58.506.500.580
- Các khoản dự phòng	03	V.5, V.7, V.12	3.566.999.201	250.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	2.331.356.501	(177.310.980)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.236.179.531)	(10.032.169.600)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	19.251.962.828	9.443.850.407
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		164.772.709.158	141.305.551.789
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.725.887.799)	12.735.233.257
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.276.773.190)	(2.153.670.073)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.814.094.851)	2.016.914.917
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(19.928.675.267)	13.549.972.801
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.19, VI.4	(18.238.073.940)	(9.443.850.407)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(18.443.425.491)	(14.619.186.596)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.882.471.200	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(7.488.500.000)	(6.106.271.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		86.739.749.820	137.284.694.488
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(2.663.643.077)	(244.320.242.191)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7, VI.8	309.090.909	24.872.170.299
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(6.400.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.10	(27.680.000.000)	(500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		422.583.779	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	4.004.504.843	1.187.686.735
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(32.007.463.546)	(218.760.385.157)

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.22	(3.568.600.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15,V.21	161.277.012.525	290.779.778.735
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15,V.21	(132.531.512.548)	(136.802.631.403)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22	(23.690.111.114)	(64.320.754.587)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.486.788.863	89.656.392.745
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		56.219.075.137	8.180.702.076
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	42.225.452.748	34.300.196.757
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		19.257.041	(255.446.085)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	98.463.784.926	42.225.452.748



Hồ Văn Thiện
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 247 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 243 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa tàu

Chi phí phát sinh cho việc trung tu và đại tu tàu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong 30 tháng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Trích lập các quỹ

Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.815 VND/USD
16.905 VND/SGD
31/12/2013 : 21.080 VND/USD
16.556 VND/SGD

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định tại phương án phát hành. Trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành được ghi nhận theo giá gốc nợ phải trả.

Lãi trái phiếu phải trả trong từng kỳ được tính trên cơ sở lãi suất và giá trị của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận chi phí tài chính tại thời điểm phát hành.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

0.0
C
C
A
3-7

49815
CÔNG TY
NHÌEM HỮU
AN VÀ TỬ
& C
T.P.HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	375.134.841	1.176.889.932
Tiền gửi ngân hàng	19.690.903.685	14.948.562.816
Các khoản tương đương tiền (*)	78.397.746.400	26.100.000.000
Cộng	<u>98.463.784.926</u>	<u>42.225.452.748</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (i)	-	1.642.471.200
Đầu tư ngắn hạn khác (ii)	6.400.000.000	-
Cộng	<u>6.400.000.000</u>	<u>1.642.471.200</u>

(i) Khoản đầu tư cổ phiếu của Công ty cổ phần xăng dầu chất đốt Hà Nội với số lượng là 136.300 cổ phiếu giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.

(ii) Cho Ông Trần Minh Loan vay theo Hợp đồng vay 66/13/ASC/HĐLT ngày 10 tháng 10 năm 2013 với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Khoản cho vay được đảm bảo bằng 297.000 cổ phiếu Công ty cổ phần năng lượng KT của Ông Lê Trung Kiên và Ông Lê Hoàng Anh Phương.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng trong nước	3.777.301.939	17.080.307.732
Phải thu khách hàng nước ngoài	29.122.684.020	18.986.698.031
Cộng	<u>32.899.985.959</u>	<u>36.067.005.763</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu Công ty cổ phần Khang Phong – Tạm ứng tiền góp vốn theo biên bản thỏa thuận	3.065.333.335	3.065.333.335
Phải thu Công ty cổ phần xăng dầu Nam Việt - tiền chi hộ	1.496.554.357	-
Phải thu thuyền viên các tàu tiền bồi thường hao hụt	-	218.947.643
Phải thu phí đại lý từ chủ hàng	2.144.624.651	550.310.827
Các khoản phải thu khác	408.192.820	257.773.000
Cộng	<u>7.114.705.163</u>	<u>4.092.364.805</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	3.065.333.335
Trích lập dự phòng bổ sung	723.679.156
Số cuối năm	<u>3.789.012.491</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	23.919.892.724	20.813.951.032
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	19.550.903.476	18.380.071.978
Cộng	<u>43.470.796.200</u>	<u>39.194.023.010</u>

(*) Toàn bộ nhiên liệu nhập vào cho các tàu được hạch toán hết vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Khi kết thúc chuyển và ghi nhận doanh thu, Công ty sẽ tiến hành kiểm tra số lượng sử dụng thực tế để kết chuyển vào giá vốn. Do đó đến thời điểm cuối năm, vẫn còn một phần nhiên liệu tồn trên tàu, chưa sử dụng.

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá cho công cụ, dụng cụ đã hư hỏng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	-
Trích lập dự phòng bổ sung	1.495.500.000
Số cuối năm	<u>1.495.500.000</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	1.813.234.560	1.625.734.464
Chi phí khác	60.000.000	605.147.821
Cộng	<u>1.873.234.560</u>	<u>2.230.882.285</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	12.399.011.818	1.066.620.590.197	1.347.946.746	1.080.367.548.761
Mua sắm mới	-	2.611.824.895	51.818.182	2.663.643.077
Thanh lý, nhượng bán	-	(562.449.545)	-	(562.449.545)
Kết chuyển qua công cụ, dụng cụ phân bổ (*)	-	-	(434.178.641)	(434.178.641)
Số cuối năm	<u>12.399.011.818</u>	<u>1.068.669.965.547</u>	<u>965.586.287</u>	<u>1.082.034.563.652</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	811.586.097	811.586.097
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	2.810.440.000	311.231.356.316	1.228.166.103	315.269.962.419
Khấu hao trong năm	495.960.000	71.197.545.756	82.765.126	71.776.270.882
Thanh lý, nhượng bán	-	(562.449.545)	-	(562.449.545)
Kết chuyển qua công cụ, dụng cụ phân bổ (*)	-	-	(352.681.131)	(352.681.131)
Số cuối năm	<u>3.306.400.000</u>	<u>381.866.452.527</u>	<u>958.250.098</u>	<u>386.131.102.625</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	9.588.571.818	755.389.233.881	119.780.643	765.097.586.342
Số cuối năm	<u>9.092.611.818</u>	<u>686.803.513.020</u>	<u>7.336.189</u>	<u>695.903.461.027</u>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 740.915.289.095 VND và 555.844.082.914 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

- (*) Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định: đối với các tài sản cố định Công ty đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định từ 30.000.000 VND trở lên thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty, thời gian phân bổ không quá 03 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này (ngày 10 tháng 6 năm 2013).

10. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần Âu Lạc logistic ⁽ⁱ⁾	350.000	3.500.000.000	-	-
Công ty cổ phần năng lượng KT ⁽ⁱⁱ⁾	1.023.000	27.280.000.000	-	-
Công ty TNHH một thành viên vận tải biển Hào Quang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	-	500.000.000
Cộng		30.780.000.000		500.000.000

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312218153 ngày 03 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Âu Lạc logistic 3.500.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312479807 ngày 04 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần năng lượng KT 10.230.000.000 VND, tương đương 77,5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.
- (iii) Trong năm, Công ty TNHH một thành viên vận tải biển Hào Quang đã hoàn tất thủ tục giải thể.

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty chứng khoán Phú Hưng	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Công ty cổ phần vật tư xăng dầu Petec	30.000	309.000.000	30.000	309.000.000
Công ty cổ phần cà phê Petec	73.000	745.000.000	73.000	745.000.000
Công ty cổ phần kho vận Petec	270.000	2.700.000.000	270.000	2.700.000.000
Tổng Công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư	100.000	2.120.000.000	100.000	2.120.000.000
Cộng		10.874.000.000		10.874.000.000

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	3.650.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	1.347.820.045
Số cuối năm	4.997.820.045

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu năm	9.641.019.514
Chi phí phát sinh trong năm	40.698.904.619
Phân bổ vào chi phí trong năm	(20.331.084.117)
Số cuối năm	30.008.840.016

14. Tài sản dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác bao gồm các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	40.774.938.600	1.613.162.500
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh quận 5 ⁽ⁱ⁾	40.774.938.600	-
- Ngân hàng VID Public Bank	-	1.613.162.500
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21)	35.561.043.442	47.666.711.973
Cộng	76.335.982.042	49.279.874.473

(i) Khoản vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh quận 5 để bổ sung vốn lưu động theo Hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-201300338 ngày 24 tháng 6 năm 2013. Hạn mức vay là 2.000.000 USD trong thời gian 12 tháng với lãi suất quy định trên từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa cho từng lần nhận nợ là 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tòa nhà văn phòng số 92 bis, Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.613.162.500	88.277.012.525	-	(48.963.088.575)	(152.147.850)	40.774.938.600
Vay dài hạn đến hạn trả	47.666.711.973	-	35.561.043.442	(47.666.711.973)	-	35.561.043.442
Cộng	49.279.874.473	88.277.012.525	35.561.043.442	(96.629.800.548)	(152.147.850)	76.335.982.042

16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	16.550.997.520	19.071.224.833
Các nhà cung cấp nước ngoài	9.037.940.977	14.892.559.624
Cộng	25.588.938.497	33.963.784.457

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	476.740.852	13.269.174	(490.010.026)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	24.204.757.412	(24.204.757.412)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.845.501.588	18.216.626.388	(18.443.425.491)	4.618.702.485
Thuế thu nhập cá nhân	461.518.015	2.913.270.953	(3.019.534.401)	355.254.567
Các loại thuế khác	-	503.000.000	(503.000.000)	-
Cộng	5.783.760.455	45.850.923.927	(46.660.727.330)	4.973.957.052

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Vận tải quốc tế:	0 %
- Vận tải nội địa:	10 %

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	72.082.299.277	83.314.681.382
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.135.206.273	243.559.715
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(351.000.000)</u>	<u>(12.232.131.511)</u>
Thu nhập tính thuế	72.866.505.550	71.326.109.586
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	18.216.626.388	17.831.527.397
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(2.371.916.777)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>18.216.626.388</u>	<u>15.459.610.620</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Quý tiền lương hoàn thành kế hoạch còn phải trả cho công nhân viên.

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn	84.195.415	97.841.563
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.137.416.936	2.018.844.250
Công ty cổ phần đầu tư và vận tải xăng dầu Sài Gòn - lãi trái phiếu còn phải trả	1.013.888.888	-
Phí hoa hồng phải trả cho các đối tác	1.759.633.185	503.426.803
Bà Nguyễn Thị Chi – tiền mua cổ phiếu chưa thanh toán	3.100.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	302.568.432	291.490.452
Cộng	<u>7.397.702.856</u>	<u>2.911.603.068</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	3.042.546.817
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	3.770.597.102
Chi quỹ trong năm	(3.646.500.000)
Số cuối năm	3.166.643.919

21. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	163.526.541.977	232.486.536.027
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Sở giao dịch 1, TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	21.282.368.000	56.916.536.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	142.244.173.977	175.570.000.027
Trái phiếu chuyển đổi ⁽ⁱⁱⁱ⁾	73.000.000.000	-
Cộng	236.526.541.977	232.486.536.027

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1, TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua tàu với lãi suất ngân hàng công bố điều chỉnh 03 tháng, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 09 tháng 3 năm 2010. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Âu Lạc Jupiter (xem thuyết minh V.9).

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Sài Gòn để thanh toán tiền mua tàu với lãi suất bằng trung bình lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ của 5 tổ chức tín dụng được chọn + 4%/năm, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 26 tháng 4 năm 2013. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Âu Lạc Venus và Âu Lạc Diamond (xem thuyết minh V.9).

(iii) Trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 24 tháng, mệnh giá 1.000.000 VND, lãi suất 10%/năm được phát hành cho Công ty cổ phần đầu tư và vận tải xăng dầu Sài Gòn để phát triển đội tàu và đầu tư cho các hoạt động kinh doanh khác. Trái phiếu tùy chọn chuyển đổi sang cổ phiếu vào 03 đợt 12 tháng, 18 tháng và 24 tháng với tỷ lệ chuyển đổi tối đa lần lượt là 80%, 10% và 10% với mức giá chuyển đổi 10.000 VND một cổ phiếu và tỷ lệ chuyển đổi 01 trái phiếu:100 cổ phiếu. Tại thời điểm chuyển đổi hoặc đáo hạn nếu chủ sở hữu không chuyển đổi, hoặc chuyển đổi một phần thì thanh toán phần còn lại cộng lãi.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Vay dài hạn ngân hàng	199.087.585.419	35.561.043.442	163.526.541.977	-
Trái phiếu chuyển đổi	73.000.000.000	-	73.000.000.000	-
Cộng	272.087.585.419	35.561.043.442	236.526.541.977	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số kết chuyển	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	232.486.536.027	-	(35.901.712.000)	(35.561.043.442)	2.502.761.392	163.526.541.977
Trái phiếu chuyển đổi	-	73.000.000.000	-	-	-	73.000.000.000
Cộng	232.486.536.027	73.000.000.000	(35.901.712.000)	(35.561.043.442)	2.502.761.392	236.526.541.977

22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 35.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	289.221.600.000
Vốn điều lệ đã đầu tư của chủ sở hữu	253.779.820.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức các năm trước	23.690.111.114
Tạm ứng cổ tức năm nay	-
Cộng	23.690.111.114

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.922.160	28.922.160
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.377.982	25.377.982
- Cổ phiếu phổ thông	25.377.982	25.377.982
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	364.115	-
- Cổ phiếu phổ thông	364.115	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.013.867	25.377.982
- Cổ phiếu phổ thông	25.013.867	25.377.982
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ vận tải biển	552.330.420.484	526.489.783.643
Doanh thu cho thuê tàu	-	6.617.700.275
Doanh thu cho thuê văn phòng	480.000.000	-
Cộng	552.810.420.484	533.107.483.918

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn dịch vụ vận tải biển	425.415.482.647	416.427.036.807
Giá vốn cho thuê tàu	-	6.220.079.572
Giá vốn cho thuê văn phòng	480.000.000	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.495.500.000	-
Cộng	<u>427.390.982.647</u>	<u>422.647.116.379</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.653.504.843	1.078.186.735
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	105.236.703	130.428.323
Cổ tức, lợi nhuận được chia	351.000.000	109.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.005.443.535	462.974.752
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	177.310.980
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	238.468.800	-
Cộng	<u>7.353.653.881</u>	<u>1.958.400.790</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	19.251.962.828	9.443.850.407
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.331.356.501	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.243.158.127	1.156.374.621
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.347.820.045	250.000.000
Lỗ thanh lý công ty con	77.416.221	-
Cộng	<u>25.251.713.722</u>	<u>10.850.225.028</u>

5. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng chỉ bao gồm chi phí hoa hồng môi giới.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	15.707.826.841	10.319.145.976
Chi phí khấu hao tài sản cố định	883.109.750	698.839.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.042.586.988	3.991.064.112
Chi phí khác	5.838.426.519	3.207.260.861
Cộng	<u>27.471.950.098</u>	<u>18.216.310.146</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	309.090.909	25.636.363.636
Thu nhập khác từ thanh lý tàu	-	3.422.002.543
Thu tiền phạt lưu tàu	2.705.603.939	183.330.000
Các khoản khác	341.728.794	243.573.172
Cộng	<u>3.356.423.642</u>	<u>29.485.269.351</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÂU LẠC

Địa chỉ: 92 bis Trần Quốc Toàn, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	4.189.723.382
Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	12.602.157.389
Chi phí khác từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	2.928.592.806
Phí phạt lưu tàu	270.660.000	198.282.828
Chi phí khác	489.750.538	679.785.564
Cộng	<u>760.410.538</u>	<u>20.598.541.969</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	192.059.220.696	205.387.441.974
Chi phí nhân công	43.903.488.175	37.950.327.921
Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.776.270.882	58.506.500.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	150.353.168.198	144.736.174.344
Chi phí khác	5.838.426.519	3.207.260.861
Cộng	<u>463.930.574.470</u>	<u>449.787.705.680</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	3.887.542.752	4.138.061.818
Tiền thưởng	812.000.000	1.216.000.000
Cộng	<u>4.699.542.752</u>	<u>5.354.061.818</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Âu Lạc logistic	Công ty con
Công ty cổ phần năng lượng KT	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên vận tải biển Hào Quang	Công ty con
Công ty cổ phần phát triển Phú Minh	Công ty liên kết